TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/DSST
Ngày: 22-3-2018.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hưởng**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Văn Lộc

Ông Mai Trần Phúc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa***: Ông Võ Minh Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 18 /2018/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị R**,** sinh năm 1956

Địa chỉ: tổ 5, E/5, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1975; vắng mặt.

Ông Đặng Văn T, sinh năm 1972; có mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 10, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2018 cùng các lời khai tại tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Bà Võ Thị R (nguyên đơn) trình bày:

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh buộc Bà Huỳnh Thị T và Ông Đặng Văn T trả số tiền vay là 50.000.000 đồng, không tính lãi, cụ thể:

Ngày 07/12/2016 (AL) bà có cho Bà Huỳnh Thị T vay số tiền 20.000.000 đồng;

Ngày 19/10/2016 (AL) bà có cho Bà Huỳnh Thị T vay số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 50.000.000 đồng có làm chung trong giấy nợ do bà T viết và ký tên, bà T cầm giấy nợ về nói cho Ông Đặng Văn T (chồng bà T) ký tên vào sau đó đem giấy nợ lại cho bà. Trong giấy nợ thống nhất tính lãi từ ngày 15/01/2017AL đối với số tiền vay tổng công là 50.000.000 đồng. Khi vay bà T nói mua rơm và mua bông trồng nấm rơm. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận khi nào bà cần tiền thì nói để bà T hoàn trả lại số tiền nêu trên cho bà . Bà T đóng lãi 01 tháng là 1.500.000 đồng bà đóng đến tháng 7/2017 Al (08 tháng số tiền là 12.000.000 đồng), ngưng đóng lãi từ tháng 8/2017 Al cho đến nay.

Tổng số tiền bà T, ông T còn nợ bà là 50.000.000 đồng.

Về án phí: Yêu cầu Bà T, ông T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại tòa bà R yêu cầu tính lãi bà đã nhận theo lãi 0,75%/tháng (9%/năm), nếu tiền lãi còn dư ra trừ vào tiền vay gốc.

Bà Võ Thị R đã nộp cho Tòa án: Bản sao chứng minh nhân dân; Bản sao hộ khẩu; Bản sao danh sách hụi viên; Bản chính giấy bà T vay tiền.

Bị đơn Ông Đặng Văn T trình bày:

Ông là chồng của Bà Huỳnh Thị T, vợ chồng ông chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Do làm ăn lỗ lã nên tháng 07/2017 (AL) bà T bỏ nhà đi đâu không biết, bà T có điện thoại về báo gia đình bỏ đi nói đi làm có tiền trả nợ hết mới về, gia đình đừng đi tìm nữa. Việc bà T chơi hụi và vay mượn tiền của ai ông không biết, hàng ngày ông làm nghề trồng nấm rơm, mỗi khi làm ăn lời ông có đem tiền về nhà đưa cho vợ ông, khi ông thiếu tiền làm ăn thì ông hỏi vợ ông đưa tiền nhưng ông không biết tiền đó là tiền vay hay tiền hụi.

Nay bà R làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh buộc vợ chồng ông trả số tiền vay là 50.000.000 đồng, không tính lãi, ông đồng ý trả số tiền vay trên cho bà R với điều kiện bà T phải về để đối chứng việc vay mượn này. Ông xác định chữ ký và chữ viết họ và tên Đặng Văn Trắng trong giấy nợ không phải là chữ ký và chữ viết của ông vì ông không biết chữ còn chữ viết và chữ ký của bà T vợ ông như thế nào ông không biết. Hiện nay bà T đã bỏ đi đâu ông không biết, gia đình không liên lạc được với bà T. Ông biết việc bà T vay tiền của bà R là 30.000.000 đồng nhưng đã trả xong, từ khi bà T bỏ đi ông thấy bà R có đến nhà ông mấy lần ông nói chờ bà T về rồi tính.

Bị đơn Bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà T vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa. Đồng thời không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà R, bà T, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn là ông T có mặt, bà T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T.

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về tiền vay nợ gốc: Nguyên đơn bà R yêu cầu bị đơn ông T, bà T trả tổng cộng số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng không tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy vay tiền ngày 19/10/2016 thì nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 07/12/2016 vay 20.000.000 đồng, viết chung một giấy nợ, hai bên thống nhất tính lãi từ ngày 15/01/2017 AL và thỏa thuận khi nào bà R cần lấy lại tiền vay thì thông báo cho bà T thanh toán. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và bà R đã thông báo cho bà T trả số tiền nêu trên nhưng bà T không thực hiện nên bà R yêu cầu bà T, ông T trả số tiền vay 50.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về tiền lãi: Bà R yêu cầu bà T, ông T trả gốc không tính lãi, nhưng bà R khai đã nhận của bà T tiền lãi 08 tháng đối với số tiền vay 50.000.000 đồng là 12.000.000 đồng (Từ tháng 01/2017 AL đến tháng 7/2017AL là 08 tháng lãi suất 3%/tháng x 1.500.000 đồng/tháng (hai tháng 6). Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy vay tiền ngày 19/10/2016 và ngày 07/12/2016 thì giữa bà R và bà T không có thỏa thuận về tiền lãi suất là 3%/tháng nhưng tại phiên tòa bà R không yêu cầu tính lãi, nhưng bà R xác định đã nhận của bị đơn 12.000.000 đồng tiền lãi là vượt quá quy định của pháp luật nên yêu cần tính lại là 0,75%/tháng (tương đương 9%/năm) tiền lãi 08 tháng là 3.000.000 đồng khấu trừ còn lại 9.000.000 đồng nhưng được trừ vào nợ gốc là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3] Bị đơn Bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến về tiền vay nợ gốc và lãi suất nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Bị đơn Ông Đặng Văn T (chồng bà T) đồng ý trả bà R số tiền vay nêu trên với điều kiện bà T về đối chứng việc vay này. Ông xác định chữ ký và chữ viết Đặng Văn Trắng trong giấy nợ không phải là chữ viết và chữ ký của ông vì ông không biết chữ, ông không biết chữ viết và chữ ký của bà T như thế nào. ông biết bà T có vay bà R 30.000.000 đồng nhưng trả xong nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bà T đã bỏ nhà đi do làm ăn bị thua lỗ dẫn đến nợ nần. Ông T xác định ông làm nấm rơm không có tiền thì kêu bà T đưa tiền nhưng ông không biết tiền đâu bà T có, như vậy việc bà T vay tiền của bà R ông T không trực tiếp vay nhưng bà T vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ với bà T là hợp lý.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 471; 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông T, bà T trả cho nguyên đơn bà R số tiền 41.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Bà Huỳnh Thị T và Ông Đặng Văn T trả cho Bà Võ Thị R số tiền 41.000.000 (Bốn mươi mốt triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn Ông Đặng Văn T, Bà Huỳnh Thị T phải chịu 2.050.000 (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Bà Võ Thị R được nhận lại số tiền là 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018690 ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chi chục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H Châu Thành;
- THADS H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thị Hưởng